

Nháng så phåc tåp và låt låo trong cách xưng hô tåt lå điåu gåi trong văn hoá Việt Nam?



Nån tång cåa gia đình là huyåt thång

Tôi nghĩ đån hai điåu:

Thå nhåt, qua viåc så dång hå thång tå vång chå thân tåc làm đåi tå nhån xång, ngå i Việt Nam đã biån gia đình thành hå quy chiåu cåa quan hå xã håi. Ngå i nào ngang tuåi ông bà mình thì tå đång trå thành “ông”, “bà”; ngå i nào ngang tuåi chú bác cô dì thì tå đång trå thành “chú”, “bác”, “cô”, “dì”; ngå i nào ngang tuåi anh chå thì tå đång biån thành “anh”, “chå”, v.v... Nhå thå, xã håi đåc xem nhå måt gia đình må rång.

Nån tång cåa gia đình là huyåt thång. Điåu này, tôi nghĩ, giåi thích tåi sao ngå i Việt không så dång måt så tå nhå “vå”, “chång”, “dåu” và “rå” làm đåi tå nhån xång. Tråc đây, đã có ngå i nêu ý åy. Cao Xuân Håo phån bác: “thím” và “dång” dåu khác gåi “dåu” và “rå”? Cũng là nhång ngå i å ngoài huyåt tåc cå thôi.(1)

Tuy nhiên, tôi nghĩ, nhång trång håp này không giång hån nhau. “Thím” và “dång” là nhång cách gåi tå nhång ngå i thuåc vai cháu; trong khi “vå”/“chång” và đåc biåt, “dåu”/“rå” là nhång thuåt ngå đåc dùng båi nhång ngå i đang đång å vai trên: cha må. Ngå i thuåc vai då i phåi chåp nhån vå thå cåa ngå i trên, trong khi đó, ngå i bå trên có quyån khång chå ngå i då i: vå chång phåi biån thành “anh”/“em”; dåu và rå phåi biån thành “con”/“cháu” måi thåc så biån thành nhång thành viån ruåt thåt trong gia đình.

Xem xã håi nhå måt gia đình må rång cũng là måt điåu hay.

... , thì...hay. Nhưng dù , cũng là m chuyện n d .

Dĩ nhiên t, theo tôi, là về cách nhìn y, ng i Việt Nam rất khó xây dựng đ c m t xã h i công dân th c s , đó, t cách m i ng i đ c xác đ nh b ng m t tiêu chí duy nh t: lu t pháp. Không ph i ng u nhiên mà i Việt Nam, ch có m t n i duy nh t cách xưng hô đ a trên h th ng t thân t c hoàn toàn b lo i b : toà án. Nghĩ cũng ph i ch . Ch ng l quan toà l i phán: “cháu tuyên án bác 30 năm tù kh sai vì t i gi t ng i có vũ khí.” hay: “Anh ph t em 2 năm tù vì t i làm đi m.” Ch ng l th ?

Th nh ng, t i sao trong các c quan công quy n khác, ng i ta l i c ti p t c bác bác cháu cháu? Nghe, d t ng là thân m t, th m chí, dân ch n a, nh ng theo tôi, chính cái cách xưng hô nh th đã góp ph n ngăn ch n quá trình dân ch hoá c a Việt Nam: ng i xưng “bác” hay xưng “chú” có th ti p t c đ c đoán và ng i xưng “cháu” ti p t c ch p nh n nh ng s đ c đoán y là nh ng đi u bình th ng.

Có th nói, cách xưng hô nh th rất d làm tri t tiêu c m giác ph n n chính đ ng c a ng i dân khi đ i di n v i nh ng s b t công. Mà không có c m giác ph n n y thì s không th nào có đ c m t xã h i công dân th c s .

Th hai, cách xưng hô trong ti ng Việt cho th y tính ch t c th trong ngôn ng và trong t duy c a ng i Việt.

Chúng ta không h có nh ng khái ni m mang tính khái quát cao nh các đ i t trong ph n l n các ngôn ng Tây ph ng: trong đ i tho i, m i ng i, v i t cách cá nhân, đ u thu c m t trong ba ph m trù: ng i phát ngôn (ngôi th nh t), ng i tr c ti p đón nh n vi c phát ngôn (ngôi th hai); và ng i đ c đ c p đ n trong n i dung c a l i phát ngôn (ngôi th ba). L y ti ng Anh làm ví d : là k phát ngôn thì ai cũng nh nhau, cũng là “I” c . Chuyện trò, t ng th ng xưng “I” g i “you” mà tên lính quèn cũng xưng “I” và g i “you”. Trong ti ng Việt, chúng ta không có nh ng khái ni m nào t ng đ ng v i nh ng “I”, nh ng “you” y.

Hình nh trong cách nhìn c a n n văn hoá truy n th ng Việt Nam, không có khái ni m cá nhân nh m t cái gì đ c l p, ch đ c xác đ nh b ng m t tiêu chí duy nh t: hành ngôn. Cá nhân ch đ c đ nh nghĩa theo các quan h nh t đ nh: v i ng i này, h n là “ông”, v i ng i n , h n là “cha”, v i ng i kia, h n là “anh”, v i ng i khác n a, h n l i là “em”, v.v...

Thầy nghe tôi nói này:

“Là lên nào. Coi chúng trẻ chuyện bay bây giờ. Này, này đây cái dù cho cháu cầm cho; còn ba đây cái xách cho con. Còn anh này, anh cứ ra xe rồi đi em khóa cửa cho. À này..., mấy đây xem giùm mấy cái cửa sổ phía sau mà đã khóa rồi chưa? Là đi. Trẻ ơi!”

Chỉ qua mấy câu nói ngắn gọn vậy, chúng ta thấy là người phụ nữ đang nói chuyện với bốn, năm người khác nhau. Với mỗi người, chỉ làm một cúc hoá thân: Với ông học bà này, chỉ xưng là “cháu”; với ba, chỉ xưng là “con”; với chúng, chỉ xưng là “em”, và với mấy đứa con, chỉ xưng là “mày”. Như vậy, người phụ nữ này thực sự là ai? Câu trả lời: không là ai cả. Chúng ta chỉ có thể xác định chỉ khi đặt chỉ trong mối quan hệ với những người khác.

Đặc biệt, tất cả những quan hệ này đều tồn tại: chúng thay đổi xoay quanh. Mỗi sự thay đổi đều dẫn đến sự thay đổi trong tất cả các cửa người phát ngôn. Có thể nói, với người Việt Nam, mối liên hệ chuyện trò là mối liên hệ đóng mở vai nhứt định: đóng vai ông/bà, đóng vai cha/mẹ, đóng vai con/cháu, đóng vai anh/em, v.v...

Đã vậy, người Việt còn có thói quen thích đóng các vai... gì. Ví dụ, một người đàn ông 50 tuổi có thể gọi một người đàn ông khoảng 30 tuổi là “bác” và xưng là “cháu”: người này đang nhập vào vai đứa con của ông để gọi người khác.

Việt Nam, người ta gọi cách xưng hô như thế là tôi nói khiêm. Trong quan hệ với chúng, người ta cũng hay nhập vai con để gọi người phụ nữ: vậy sẽ không gọi chúng là “anh” mà là “bà thàng cu” hay “bà nó” hay, gần hơn, chỉ là “bà” suông thôi. Người khác, nói chuyện với chúng, người này sẽ có thể không xưng “em” mà tôi xưng là... “mày”, kiểu:

“Bà ơi, chị u nay bà có đi Footscray không?”

“Có. Mày có cần gì không?”

“Ừ, bà mua cho mẹ thùng xoài nghe.”

“Xoài gì mà xoài. Mẹ ăn tuấn trẻ c mà. Ăn xoài nhiều nóng lắm, đâu có bà béo gì...”

“Trẻ ơi, nóng với nực gì, bà mày sao nhiều chuyện quá. Mùa này xoài đang rẻ, cứ cho con ăn cho đã. Hết mùa thì tôi nó tôi nhún.”

“Mày mày cứ hay chị u con...”

Ngày xưa, để biết mình quen hay trong họ, người ta còn cố gắng tránh để cái vai của họ như thế: người ta cố gắng là “ai” và xưng là “ai” một cách hết sức bằng qu. Thuý Kiều nói với Kim Trng: “Đến đi u nguy t n hoa kia / Ngoài ra, ai là i t c gì v i ai.” Tên Đà nói với người tình nhân không quen biết: “Ai như ng như ai, ai như ng như / Đ ai lu ng như ng như ai hoài.” Thì cũng là như người như vai gì, cái vai vô hình.

Nói chuyện là bước phải đóng một vai như thế. Do đó, trên nguyên tắc, bằng tiếng Việt, mọi cuộc đời đều có một bước. Đến một mình, cá nhân sẽ không là gì cả. Mà để cho, như là tranh luận, cũng khó. Tôi đã chứng kiến, trong các cuộc họp hành, vô số những cuộc cãi vã bằng tiếng Anh rất gay gắt. Cái kịch liệt. Cái đến nỗi đến chết. Thế nhưng, sau buổi họp, đâu lại vào đây, mọi người lại là bạn bè, lại chuyện trò hòa nhã với nhau, như không hề có chuyện gì xảy ra. Tuy nhiên, cũng những người này, khi cãi vã với nhau bằng tiếng Việt thì lại khác. Khác hẳn. Ngay khi đang cãi vã, người ta đã có thể linh cảm được là có cái gì đó đang diễn ra. Tại sao? Lý do chính, tôi đoán, chắc yếu là ... tiếng Việt.

Mà thế. Cái với nhau bằng tiếng Anh, mọi người đều bình đẳng ngay từ đầu: ai cũng là “I” và “you”. Thế với thế bình đẳng này, người ta có thể an tâm tập trung vào lý luận để giành thắng lợi trong lý luận và bằng lý luận.

Cãi với nhau bằng tiếng Việt thì khác. Thế khi sẽ, đã có cái gì như không bình đẳng và cũng không sòng phẳng: người là n tu i h n thì xưng “bác” hay “anh”, do đó, từ từ mà thôi, đã mà họ cảm thấy mình đang bị thế bên trên, thế đàn anh; người trẻ hơn, người c lại, phải xưng “cháu” hoặc “em”, do đó, cũng từ từ trong từ mà thôi, đã có chút mà cảm thấy u thế. Để bù đắp cái mà cảm thấy u thế này, những người trẻ hơn, ngoài lý luận, thế họ sẽ dùng một số biện pháp khác: khuôn mặt đánh lại mặt chút, giọng nói to lên một chút, giọng đi u chì chì t h n mặt chút, ch nghĩa n n h n mặt chút.

Có khi người ta để cái cách xưng hô: bình thường thì anh anh em em; khi cãi nhau thì anh/ch với tôi. Để với những người từ từ mà thôi, về thế cha, chú, anh, ch ... từ từ những người đi u y đ u d dàng gây thế họ. Nghe ch “tôi” từ từ mà thôi một người và n thế họ xưng “em” với mình, người ta d có cảm thấy họ b h b hay b ph n b i. Cảm giác “đ v” không ch ng xu t phát t đó.

Cảm giác này càng rõ hơn khi về ch ng cãi nhau. Để từ đầu cãi, đang từ, người về phải xưng “em”, càng d th y... từ c h n. Cảm thấy như mình bị x ép. Càng d bù lu bù loa h n n a. Về n th y b ép. Cảm phải xưng “em” là lại th y b ép. Bèn để thành “tôi” cho... ngang c. Ch ng,

chúng ta cần biết và nói đúng hay sai, chúng ta nghe chữ “tôi” bất bình thường lắm, đã dùng dùng cái gì, có cảm giác là vậy mình... hèn lẻo, đòi đồ chánh... mình.

Tôi tuy tôi chỉ nghĩ là một hình thức báo hành, tôi trong gia đình đơn ngoài xã hội, nhưng tôi tin là tôi hiểu được lý do gì đã thúc đẩy người già đàn ông, trong những trường hợp như thế, đã không tìm kiếm được, phải vùng tay lên: cái hèn muốn đánh, trước hết, là chữ.

Chữ, chữ không phải là người.

Chú thích:

1.Cao Xuân Hào (2001), Tiếng Việt Văn Việt Người Việt, Thành phố HCM: Nxb Trẻ, tr. 298 (chúng “Mọi vấn đề văn hoá trong cách xưng hô của người Việt”). Vấn đề xưng hô trong tiếng Việt, có thể xem thêm Võ Phiến (1999), Cẩm nang, California: Văn Mới, tr. 29-38 (chúng “Cái tiếng mình nói”).